

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hướng tới mục tiêu giảm số lượng đơn vị hành chính, giảm số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của hệ thống chính trị; tinh giản biên chế, giảm chi phí hành chính gắn với việc cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở.

Để triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, Quốc hội và Chính phủ về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, trong đó việc vận động nghỉ việc đối với số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động doi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do thực hiện Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là hết sức cần thiết; do vậy, việc ban hành “Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã doi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội” là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích

Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm kịp thời động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự nguyện nghỉ việc.

2. Quan điểm chỉ đạo

Xây dựng chính sách hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

- Thực hiện Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng và triển khai Phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 – 2021 tại Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 25/10/2019, UBND tỉnh đã có văn bản đề nghị Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 23/10/2019. Thường trực HĐND tỉnh đã chấp thuận tại Công văn số 352/HĐND-PC ngày 24/10/2019.

- Sở Nội vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi gửi lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan, đồng thời đã được Sở Nội vụ đăng trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Trên cơ sở ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất nội dung Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt Đề án sắp xếp đơn

vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 – 2021, chỉ đạo hoàn chỉnh Quy định trên, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định trong khoảng tháng 4/2020 (tại Kết luận số 1257-KL/TU ngày 04/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục. Nghị quyết gồm 04 Điều như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Chính sách hỗ trợ, thời gian và kinh phí thực hiện

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

a1) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

a2) Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức, người được cơ quan có thẩm quyền hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3 Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ dôi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức xã hội được giao biên chế và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc huyện Trà Bồng, huyện Tây Trà và các xã, thị trấn thuộc diện sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện dôi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

a3) Đối tượng không áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Cán bộ thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Cán bộ, công chức, viên chức, người được cơ quan có thẩm quyền hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu.

- Cán bộ, công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

- Các đối tượng đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

a4) Điều kiện áp dụng

Trong quá trình sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã các đối tượng quy định tại điểm b, khoản 2.1 này có nguyện vọng xin thôi việc, nghỉ việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

b) Chính sách hỗ trợ, thời gian và kinh phí thực hiện

b1) Chính sách hỗ trợ

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quy định tại điểm b, mục 2.1, khoản 2 này. Ngoài các chế độ chính sách được hưởng theo quy định của pháp luật còn được hỗ trợ một lần với mức 6.000.000 đồng/01 năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại điểm b, mục 2.1, khoản 2 này; mức hỗ trợ một lần với mức 3.000.000 đồng/01 năm công tác đảm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã.

Đối tượng quy định tại điểm này, trường hợp thời gian công tác có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ đủ 01 (một) tháng đến đủ 06 (sáu) tháng được tính là 1/2 năm làm việc; từ trên 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng thì được tính tròn là 01 (một) năm làm việc.

b2) Thời gian thực hiện chính sách từ ngày 31/12/2019 đến ngày 31/12/2021.

b3) Tổng kinh phí thực hiện: Từ 32 -54 tỷ đồng (có phụ lục kèm theo)

b4) Nguồn Kinh phí thực hiện: Do ngân sách tỉnh đảm bảo.

(có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC, VII.52

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng



**ĐU KIẾN SỐ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ,
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐÔI DƯ
DO SẮP XẾP ĐVHC CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 19 /TTr-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh)

Số TT	Đối tượng	Số lượng	Số năm công tác (Đây là con số ước tính để lập dự toán. Thực tế chưa biết số lượng người tự nguyện nghỉ việc cụ thể)	Số tiền hỗ trợ chi trả cho 1 người sau khi nghỉ 1 lần (đồng)	Số tiền chi trả cho CBCCNLD đôi dư sau khi nghỉ 1 lần toàn tỉnh (đồng)
1	2	3	4	5	6=(3*4*5)
Dự toán cho số người có 15 năm công tác					
1	Cán bộ, công chức, NLD cấp huyện đôi dư	88	15	6.000.000	7.920.000.000
2	Cán bộ, công chức cấp xã đôi dư	155	15	6.000.000	13.950.000.000
3	Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đôi dư	232	15	3.000.000	10.440.000.000
					32.310.000.000
Dự toán cho số người có 20 năm công tác					
1	Cán bộ, công chức, NLD cấp huyện đôi dư	88	20	6.000.000	10.560.000.000
2	Cán bộ, công chức cấp xã đôi dư	155	20	6.000.000	18.600.000.000
3	Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đôi dư	232	20	3.000.000	13.920.000.000
					43.080.000.000
Dự toán cho số người có 25 năm công tác					
1	Cán bộ, công chức, NLD cấp huyện đôi dư	88	25	6.000.000	13.200.000.000
2	Cán bộ, công chức cấp xã đôi dư	155	25	6.000.000	23.250.000.000
3	Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đôi dư	232	25	3.000.000	17.400.000.000
					53.850.000.000

Ghi chú: (Số liệu CBCC và người lao động dự kiến dư so với định biên, biên chế theo qui định do sắp xếp ĐVHC cấp huyện, xã chỉ tính theo cách giảm cơ học)

1. Số lượng cán bộ, công chức, NLD cấp huyện dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện khoảng 88 người.
 2. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã khoảng 155 người.
 3. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã khoảng 232 người.
-

Số: /2020/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 – 2021 và Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị định số

112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức Chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề nghị ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người được cơ quan có thẩm quyền hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Điều 3 Nghị định 161/2018/NĐ-CP dôi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức xã hội được giao biên chế và được hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc huyện Trà Bồng, huyện Tây Trà và các xã, thị trấn thuộc diện sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc diện dôi dư do sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối tượng không áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện tinh giản biên chế theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Cán bộ thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người được cơ quan có thẩm quyền hợp đồng làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu.

d) Cán bộ, công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

đ) Các đối tượng đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Điều kiện áp dụng

Trong quá trình sắp xếp, giải thể đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều này có nguyện vọng xin thôi việc, nghỉ việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ, thời gian và kinh phí thực hiện

1. Chính sách hỗ trợ

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này. Ngoài các chế độ chính sách được hưởng theo quy định của pháp luật còn được hỗ trợ một lần với mức 6.000.000 đồng/01 năm làm việc có đóng bảo hiểm xã hội.

b) Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này; mức hỗ trợ một lần với mức 3.000.000 đồng/01 năm công tác đảm nhiệm chức danh không chuyên trách ở cấp xã.

Đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trường hợp thời gian công tác có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ đủ 01 (một) tháng đến đủ 06 (sáu) tháng được tính là 1/2 năm làm việc; từ trên 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng thì được tính tròn là 01 (một) năm làm việc.

2. Thời gian thực hiện chính sách từ ngày 31/12/2019 đến ngày 31/12/2021.

3. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ: do ngân sách tỉnh đảm bảo.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng ... năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu, UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT, các PCT);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban, Sở, ngành và đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT Công báo và tin học tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT HĐND (.....b).

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân